

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-KCNĐN ngày 06/7/2023 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp về việc thành lập Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường dự án “Nhà máy sản xuất các dụng cụ y tế bao gồm: túi đựng nước tiểu, van ống dẫn tiểu, van chữ T, bộ kit dẫn tiểu theo đường niệu đạo, bộ kit dẫn tiểu, ống thông tiểu, ống truyền dinh dưỡng (vào dạ dày), ống thông nuôi ăn, bộ ống thông nuôi ăn, dụng cụ cố định thành dạ dày II, ống dẫn lưu thận, bộ dẫn lưu thận, ống thông bàng quang, bộ ống thông mở đường rò ra da, ống nối tiếp PVC, bộ mở thông dạ dày ra da, ống thông tắc ruột, bộ ống thông tắc ruột, ống thụ tinh nhân tạo, ống nong thực quản, ống cầm máu thực quản, bộ ống truyền tĩnh mạch, quy mô 3.591.560 sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Việt Nam Create Medic tại Lô 303, đường 7A, KCN Long Bình (Amata), thành phố Biên Hòa, Đồng Nai;

Căn cứ văn bản số 2992/KCNĐN-MT ngày 26/07/2023 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường Công ty TNHH Việt Nam Create Medic;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Việt Nam Create Medic tại văn bản số 08 đề ngày 06/10/2023 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất các dụng cụ y tế bao gồm: túi đựng nước tiểu, van ống dẫn tiểu, van chữ T, bộ kit dẫn tiểu theo đường niệu đạo, bộ

kit dẫn tiểu, ống thông tiểu, ống truyền dinh dưỡng (vào dạ dày), ống thông nuôi ăn, bộ ống thông nuôi ăn, dụng cụ cố định thành dạ dày II, ống dẫn lưu thận, bộ dẫn lưu thận, ống thông bàng quang, bộ ống thông mở đường rò ra da, ống nối tiếp PVC, bộ mở thông dạ dày ra da, ống thông tắc ruột, bộ ống thông tắc ruột, ống thụ tinh nhân tạo, ống nong thực quản, ống cầm máu thực quản, bộ ống truyền tĩnh mạch, quy mô 3.591.560 sản phẩm/năm” tại Lô 303, đường 7A, KCN Long Bình (Amata), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Việt Nam Create Medic (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất các dụng cụ y tế bao gồm: túi đựng nước tiểu, van ống dẫn tiểu, van chữ T, bộ kit dẫn tiểu theo đường niệu đạo, bộ kit dẫn tiểu, ống thông tiểu, ống truyền dinh dưỡng (vào dạ dày), ống thông nuôi ăn, bộ ống thông nuôi ăn, dụng cụ cố định thành dạ dày II, ống dẫn lưu thận, bộ dẫn lưu thận, ống thông bàng quang, bộ ống thông mở đường rò ra da, ống nối tiếp PVC, bộ mở thông dạ dày ra da, ống thông tắc ruột, bộ ống thông tắc ruột, ống thụ tinh nhân tạo, ống nong thực quản, ống cầm máu thực quản, bộ ống truyền tĩnh mạch, quy mô 3.591.560 sản phẩm/năm” tại Lô 303, đường 7A, KCN Long Bình (Amata), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất các dụng cụ y tế bao gồm: túi đựng nước tiểu, van ống dẫn tiểu, van chữ T, bộ kit dẫn tiểu theo đường niệu đạo, bộ kit dẫn tiểu, ống thông tiểu, ống truyền dinh dưỡng (vào dạ dày), ống thông nuôi ăn, bộ ống thông nuôi ăn, dụng cụ cố định thành dạ dày II, ống dẫn lưu thận, bộ dẫn lưu thận, ống thông bàng quang, bộ ống thông mở đường rò ra da, ống nối tiếp PVC, bộ mở thông dạ dày ra da, ống thông tắc ruột, bộ ống thông tắc ruột, ống thụ tinh nhân tạo, ống nong thực quản, ống cầm máu thực quản, bộ ống truyền tĩnh mạch, quy mô 3.591.560 sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 303, đường 7A, KCN Long Bình (Amata), thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 5471082344 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp, chứng nhận lần đầu ngày 03/6/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ mười ngày 19/01/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 3602328918 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 06/03/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 06/12/2021.

1.4. Mã số thuế: 3602328918.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các dụng cụ y tế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích khu đất của dự án đầu tư 13.365,4 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sản xuất các dụng cụ y tế bao gồm: túi đựng nước tiểu, van ống dẫn tiểu, van chữ T, bộ kit dẫn tiểu theo đường niệu đạo, bộ kit dẫn tiểu, ống thông tiểu, ống truyền dinh dưỡng (vào dạ dày), ống thông nuôi ăn, bộ ống thông nuôi ăn, dụng cụ cố định thành dạ dày II, ống dẫn lưu thận, bộ dẫn lưu thận, ống thông bàng quang, bộ ống thông mở đường rò ra da, ống nối tiếp PVC, bộ mở thông dạ dày ra da, ống thông tắc ruột, bộ ống thông tắc ruột, ống thụ tinh nhân tạo, ống nong thực quản, ống cầm máu thực quản, bộ ống truyền tĩnh mạch, quy mô 3.591.560 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Từ ngày 23 tháng 11 năm 2023 đến ngày 23 tháng 11 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Biên Hòa;
- Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa;
- Công ty TNHH Việt Nam Create Medic (thực hiện);
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (Tuyet)

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trí Phương

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 157 /GPMT-KCNĐN ngày 23 /11 /2023 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải phát sinh từ dự án được thu gom, xử lý đạt giới hạn tiếp nhận trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Bình (Amata), không xả trực tiếp ra môi trường.

- Chủ dự án đã có thỏa thuận với đơn vị đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Long Bình (Amata) về việc đầu nối và xử lý nước thải (theo Hợp đồng thuê bất động sản giữa Công ty TNHH Việt Nam Create Medic và Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa ký ngày 29/7/2010).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải từ sinh hoạt và nhà ăn (sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, bể tách dầu mỡ) được đưa về hệ thống xử lý nước thải cục bộ, công suất thiết kế 48 m³/ngày.đêm của Công ty để xử lý.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh nhà xưởng, quá trình làm mát máy tiết trùng, từ máy lạnh được thu gom và thải trực tiếp ra hố ga nước thải chung của Nhà máy, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Long Bình (Amata).

- Toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư được xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Long Bình (Amata) trước khi đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Bình (Amata) tại 01 vị trí trên đường số 7A (hố ga B30).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại: 01 bể

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Hệ thống thu gom nước thải của nhà máy → Hệ thống xử lý nước thải cục bộ → Hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN Long Bình (Amata).*

- Thể tích thiết kế: 260 m³ (01 bể tại khu vực nhà xưởng).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Bể tách dầu mỡ: 01 bể.

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Nước thải nhà ăn → Bể tách dầu → Hệ thống thu gom nước thải của nhà máy → Hệ thống xử lý nước thải cục bộ → Hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN Long Bình (Amata).*

- Thể tích thiết kế: 48m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải cục bộ, công suất thiết kế 48 m³/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Nước thải* → *Song chắn rác* → *Bể tách dầu* → *Bể điều hòa* → *Bể điều chỉnh pH* → *Bể yếm khí 1* → *Bể sinh học hiếu khí* → *Bể sinh học hiếu khí* → *Bể yếm khí 2* → *Bể sinh học hiếu khí* → *Bể lắng* → *Bể khử trùng* → *Hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN Long Bình (Amata)*.

+ Công suất thiết kế: 48 m³/ngày.đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorin.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế: 48 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: nước thải trước hệ thống xử lý nước thải và nước thải sau xử lý tại vị trí đầu nối nước thải với KCN Long Bình (Amata) .

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Các chất ô nhiễm trong nước thải của Dự án (trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN) phải được xử lý đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Long Bình (Amata) theo thỏa thuận xử lý nước thải giữa Chủ dự án và đơn vị đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Long Bình (Amata) (Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau: Giai đoạn vận hành ổn định: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của KCN Long Bình (Amata) theo thỏa thuận giữa Chủ dự án đầu tư và đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN Long Bình (Amata), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của nhà máy.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Bình (Amata) để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 157/GPMT -KCNĐN ngày 23 /11/ 2023
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ máy tiết trùng VC1.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy tiết trùng VC2.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí từ máy tiết trùng (nguồn số 01, nguồn số 2), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.209.125; Y = 503.458 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 300 m³/giờ

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng lớn nhất 300 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: khí thải được thu gom xả ra môi trường qua ống thoát khí đường kính 200mm, cao 3m, xả gián đoạn mỗi cuối ca làm việc.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 0,6$ và $K_p = 1$) và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
			QCVN 20:2009/BTNMT		
I	Dòng số 01				Không thuộc đối tượng.
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	
2	Etylen Oxyt		20		

Ghi chú:

(1) Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 20:2009/BTNMT.

(2) Chủ dự án có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải đạt Quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ máy tiết trùng VC1, được thu gom bằng đường ống thép DN60, dài khoảng 10m sau đó dẫn về hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết kế 300 m³/giờ.

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy tiết trùng VC2, được thu gom bằng đường ống thép DN60, dài khoảng 10m sau đó dẫn về hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết kế 300 m³/giờ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống thoát khí thải: 02 nguồn phát sinh khí thải từ máy tiết trùng VC1 và VC2 được thu gom đưa về xử lý chung tại 01 hệ thống xử lý khí thải.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: *Khí thải phát sinh từ công đoạn tiết trùng (khí ETO dư) → Quạt hút → Thiết bị tháp hấp phụ (tấm Poly Styrene (PS)) → Ống thải → Khí thải đạt quy chuẩn được phép xả thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 300 m³/giờ.

- Hóa chất/vật liệu sử dụng: Tấm lọc PS.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, theo dõi quá trình hoạt động đảm bảo hoạt động ổn định của hệ thống.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, khắc phục tốn nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục xong sự cố, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường không khí.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết kế: 300 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: đầu ra hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Nguồn số 01, 02: Lưu lượng, Etylen Oxyt.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn vận hành ổn định: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Thực hiện đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ theo Mục A Phụ lục này.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 157/GPMT -KCNĐN ngày 23 /[th]/2023 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ khu vực cổng bảo vệ.
- Nguồn số 02: Từ máy cán silicone.
- Nguồn số 03: Từ máy ép nhựa.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Nguồn số 01: Từ khu vực cổng bảo vệ. Tọa độ vị trí phát sinh: X = 1.209.496; Y = 503.145.
- Nguồn số 02: Từ máy cán silicone. Tọa độ vị trí phát sinh: 1.209.386; Y = 503.546.
- Nguồn số 03: Từ công đoạn ép. Tọa độ vị trí phát sinh: X: 1.209.056 Y = 503.458).

(Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L _{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn.

- Đảm bảo mật độ diện tích trồng cây xanh trong khu vực nhà máy đạt tối thiểu 20% tổng diện tích dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 157/GPMT -KCNDN ngày 23 /11/ 2023
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng phát sinh khoảng: 58.850 (kg/năm).

STT	Nguồn phát sinh	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Ký hiệu, phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	780
2	Nhựa nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	19 12 02	KS	5.324
3	Silicone	Rắn	02 08 01	KS	32.892
4	Bao bì kim loại cứng	Rắn	18 01 02	KS	19.344
5	Các loại cặn phản ứng và cặn đáy tháp chưng cất khác	Lỏng	03 04 05	NH	360
6	Tâm lọc PS (từ hệ thống xử lý khí thải)	Rắn	18 02 01	KS	150
Tổng khối lượng					58.850

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh khoảng: 20.000 (kg/năm).

STT	Nguồn phát sinh	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì chứa sản phẩm lỗi	Rắn	18 01 11	TT-R	800
2	Giấy phế liệu	Rắn	12 08 03	TT-R	200
3	Pallet gỗ phế	Rắn	09 01 02	TT-R	200
4	Cao su mềm thải, nhựa phế	Bùn	12 08 06	TT-R	18.792
5	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải	Rắn	08 02 08	TT-R	08

STT	Nguồn phát sinh	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
6	Cặn dầu mỡ từ bể tách dầu	Rắn	18 01 11	TT-R	105
Tổng khối lượng					20.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng phát sinh khoảng: 99,8 (tấn/năm).

STT	Tên chất thải	Khối lượng (Tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	99,8
Khối lượng		99,8

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 20 m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: được bố trí bên ngoài nhà xưởng, mái che bằng tôn, tường xây bằng gạch và nền được đổ bê tông chống thấm, có dán mã chất thải nguy hại, bố trí thiết bị chuyên dụng để lưu chứa chất thải nguy hại, đảm bảo theo quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: được bố trí bên ngoài nhà xưởng, mái che bằng tôn, tường xây bằng gạch và nền được đổ bê tông chống thấm đảm bảo theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy, dung tích 660 lít, được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 157/GPMT -KCNDN ngày 23 /11/ 2023
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Dự án không thuộc đối tượng thực hiện đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ

động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa, UBND thành phố Biên Hòa, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan, Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP.